TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Duy
2. Ông Nguyễn Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 (LT) về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị K, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Ấp V, xã B, tỉnh An Giang (Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang cũ).

- Bị đơn: Anh Võ Văn L, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Ấp D, xã A (xã T, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.

(chị K, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2025 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị K trình bày*:

Chị với anh Võ Văn L là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12/2020 vào ngày 24/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị phát hiện anh L sử dụng ma túy, đem tài sản trong gia đình đi bán và bắt chị phải đưa tiền, nếu không thì hành hung chị. Do lo sợ đến tính mạng nên chị về nhà cha mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Phạm Minh Q, sinh ngày 17/02/2021. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Do ở xa đi lại khó khăn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng anh Võ Văn L trình bày tại bản tự khai và đơn đề nghị về việc xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 22/7/2025:*

Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, cãi vã nhiều lần. Đến ngày 30/4/2023 chị K về nhà cha mẹ đẻ của chị sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị K xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K.

Về con chung có 01 con chung tên Võ Phạm Minh Q, sinh ngày 17/02/2021. Anh đang nuôi con nên yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Q và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Anh bận công việc nên đề nghị tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/4/2025 ; Căn cước công dân chị K; Bản tự khai của chị K ngày 25/04/2025; Giấy cam kết không nợ của chị K ngày 25/04/2025; Giấy trích lục kết hôn số 94/TLKH-BS ngày 24/02/2020; Giấy khai sinh cháu Q; Đơn yêu cầu không hòa giải của chị K ngày 24/5/2025; Đơn xin vắng mặt ngày 25/4/2025; T khai ngày 22/7/2025 ; Đơn đề nghị về việc xin vắng mặt của anh L ngày 22/7/2025; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 25/6/2025; Phiếu yêu cầu xác minh ngày 13/5/2025; Biên bản xác minh tại Công an xã A ngày 22/7/2025, bản tự khai và đơn đề nghị về việc xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 22/7/2025 của anh L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị K, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K, anh L.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị K, anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn đoàn tụ được, chị K xin ly hôn, anh L đồng ý nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị K ly hôn anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Phạm Minh Q, sinh ngày 17/02/2021. Cháu Q đang sống chung với anh L, chị K yêu cầu sau khi ly hôn giao cháu Q cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q, chị không cấp dưỡng nuôi con chung, anh L đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Kiều chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn chị Phạm Thị K, bị đơn anh Võ Văn L, chị K, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K, anh L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K, anh L tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, nay là xã A, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2020 vào ngày 24/02/2020 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị K trình bày trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không hàn gắn đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự nhiều lần mục đích để ghi nhận ý kiến các bên nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh L không đến.

Tòa án tiến hành xác minh, làm việc trực tiếp với anh L, anh có ý kiến vợ chồng có mâu thuẫn không hàn gắn được, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị K, anh L đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị K được ly hôn với anh L là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, xử cho chị K được ly hôn anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Phạm Minh Q, sinh ngày 17/02/2021. Chị K yêu cầu giao cháu Q cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung, anh L đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Kiều C 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị K về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với anh Võ Văn L, xử cho chị Phạm Thị K được ly hôn anh Võ Văn L.

- Về con chung: Xử giao cháu Võ Phạm Minh Q, sinh ngày 17/02/2021 cho anh Võ Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Phạm Thị K không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0015067 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị Phạm Thị K, anh Võ Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã An Phước (xã Tam An cũ)
GCNKH số 12 ngày 24/02/2020 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

Nguyễn Ngọc An